

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM



**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Số: 627/GP-UBND  
Ngày cấp: 10 tháng 6 năm 2016

## GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Đơn của Doanh nghiệp tư nhân Vận tải thương mại Cửu Long về việc đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 268/TTr-STNMT ngày 06/6/2015 (kèm theo hồ sơ),

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Vận tải thương mại Cửu Long được thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm số 25, thôn Bình Trung, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch 152).

Diện tích khu vực thăm dò: 3,5 ha, được xác định bởi các điểm khếp góc có tọa độ được xác định tại Bản đồ và Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

Thời hạn thăm dò: 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

Khối lượng thăm dò chủ yếu: Theo Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

Lệ phí giấy phép: Theo quy định hiện hành.

Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước).

**Điều 2.** Doanh nghiệp tư nhân Vận tải thương mại Cửu Long:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước (nếu có).

2. Thực hiện thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo: Phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép; Đề án đã được UBND tỉnh Kon Tum chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan. Thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành. Công tác thăm dò phải được tiến hành bởi tổ chức có năng lực theo quy định hiện hành. Để đảm bảo chất lượng của công tác thăm dò, Doanh nghiệp tư nhân Vận tải thương mại Cửu Long có thể thuê tư vấn độc lập có đủ năng lực chuyên môn giám sát quá trình thi công.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; trong quá trình hoạt động thăm dò (*thi công, phân tích mẫu...*) có phát hiện khoáng sản khác có triển vọng, có giá trị cao hơn phải báo cáo đầy đủ với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng quặng đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho mục đích sử dụng khai thác, chế biến. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Sa Thầy, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng có liên quan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: Tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường... khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản tại khu vực này.

6. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;

7. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò và nộp báo cáo, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Doanh nghiệp tư nhân Vận tải thương mại Cửu Long chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (3 bản);
- Sở Công Thương, Sở Xây dựng;
- UBND huyện Sa Thầy;
- DNTN Vận tải thương mại Cửu Long;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Tuy**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ ĐÁ LÀM VLXDĐT  
TẠI THÔN BÌNH TRUNG, XÃ SA BÌNH, HUYỆN SA THẦY.**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số **627**/GP-UBND  
ngày **10** tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$ múi chiếu $3^{\circ}$ )	
	X (m)	Y (m)
1	15 91 941	5 37 677
2	15 91 976	5 37 604
3	15 91 916	5 37 536
4	15 91 655	5 37 583
5	15 91 731	5 37 705
6	15 91 837	5 37 677
<b>Diện tích: 3,5 ha</b>		

**KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC  
CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số **627/GP-UBND**  
ngày **10** tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
<b>I</b>	<b>Công tác trắc địa</b>		
1	Thành lập lưới đường sườn kinh vĩ trực tiếp	Km	0,902
2	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000		
3	Ngoại nghiệp	Km <sup>2</sup>	0,035
4	Nội nghiệp	Km <sup>2</sup>	0,035
4.1	Đưa công trình từ bản đồ ra thực địa	Điểm	8
4.2	Đo công trình chủ yếu và đưa vào bản đồ	Điểm	3
5	Đo công trình thứ yếu và đưa vào bản đồ	Điểm	5
6	Đo vẽ mặt cắt địa hình	Km	0,399
7	Định tuyến thăm dò	Km	0,9366
<b>II</b>	<b>Công tác thăm dò địa chất</b>		
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1:1.000		
1.1	Ngoại nghiệp	Km <sup>2</sup>	0,035
1.2	Nội nghiệp	Km <sup>2</sup>	0,035
2	Dọn vệt lộ	m <sup>3</sup>	50
3	Đào giếng	m	10
4	Khoan thăm dò	m	51
<b>III</b>	<b>Công tác ĐCTV-ĐCCT</b>		
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT kết hợp, tỷ lệ 1:1.000	Km <sup>2</sup>	0.035
1.1	Quan trắc đơn giản lỗ khoan	CT	3
1.2	Thu thập tài liệu khí tượng	Lần	1
<b>IV</b>	<b>Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu</b>		
1	<i>Lấy mẫu</i>		
1.1	Lấy mẫu cơ lý đất	Mẫu	3
1.2	Lấy mẫu cơ lý đá	Mẫu	6
1.3	Lấy mẫu lát mỏng	Mẫu	4
1.4	Lấy mẫu hóa silicat	Mẫu	4
1.5	Lấy mẫu công nghệ	Mẫu	2
1.6	Lấy mẫu hóa nước, vi sinh	Mẫu	2
2	<i>Gia công mẫu</i>		
2.1	Gia công mẫu lát mỏng	Mẫu	4
2.2	Gia công mẫu hóa silicat	Mẫu	4
2.3	Gia công mẫu công nghệ	Mẫu	2
3	<i>Phân tích mẫu</i>		
3.1	Phân tích cơ lý đất	Mẫu	3
3.2	Phân tích cơ lý đá	Mẫu	6
3.3	Phân tích mẫu lát mỏng	Mẫu	4
3.4	Phân tích mẫu silicat	Mẫu	4



3.5	Phân tích mẫu công nghệ	Mẫu	2
3.6	Phân tích mẫu hóa nước, vi sinh	Mẫu	2
<b>V</b>	<b>Lập báo cáo tổng kết</b>		
1	In ấn xuất bản báo cáo	Bộ	1

